FireAnt

Tổng Công ty Viglacera - CTCP (HSX: VGC)

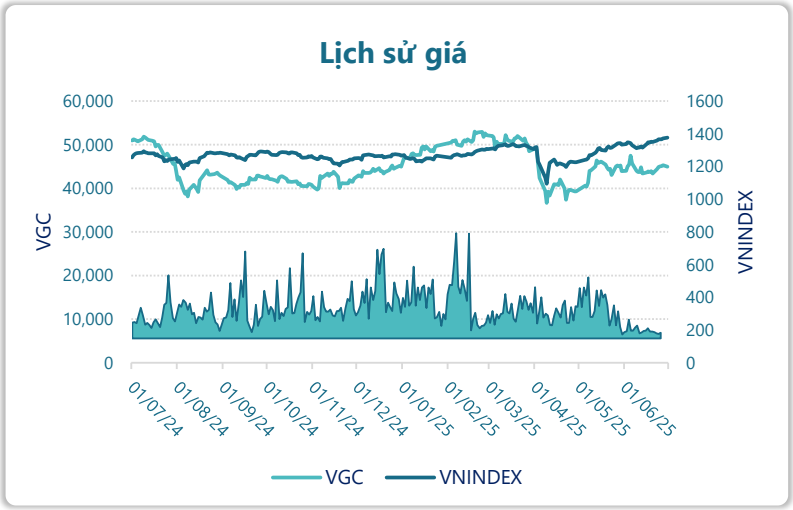

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**44,950**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	53,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	36,650
SL cổ phiếu LH	448,350,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	752,145
% sở hữu nước ngoài	5.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	20,153
P/E	13.4
EPS	3,343

DT thuần

Q2/25

3,229

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 374| 13.1%

YoY: ▲ 517| 19.1%

LN sau thuế

Q2/25

540

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 241| 80.5%

YoY: ▲ 369| 216%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

24.6%

+/- YoY: ▲ 13.8%

DT thuần

6T 2025

6,083

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 732| 13.7%

LN sau thuế

6T 2025

838

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 430| 105%

ROE

Q2/25

14.6%

+/- YoY: ▲ 6.3%

Kết quả kinh doanh

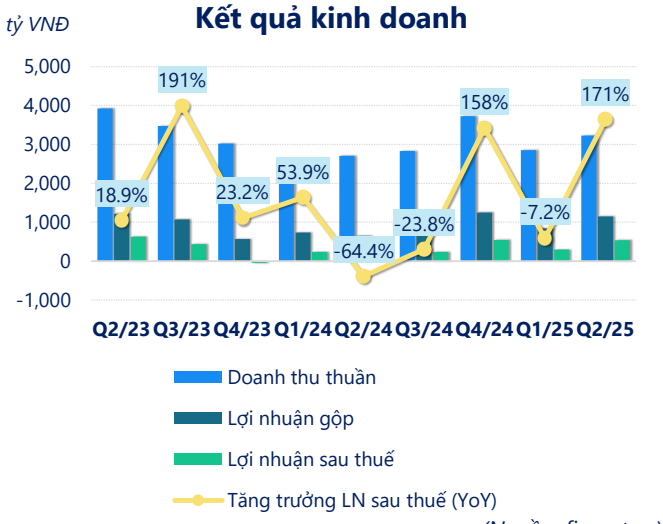

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

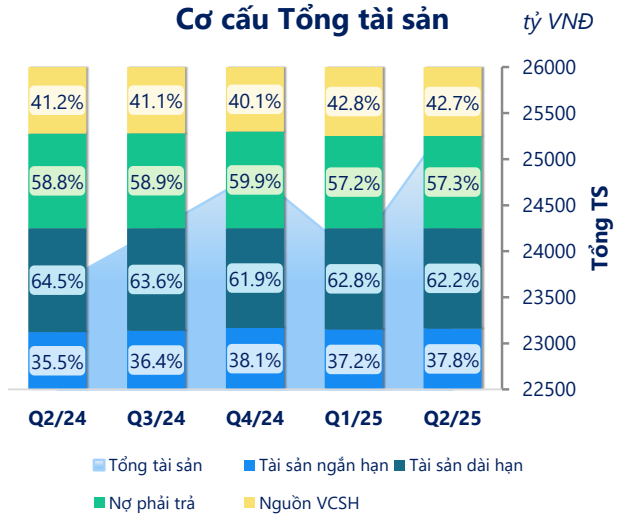

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

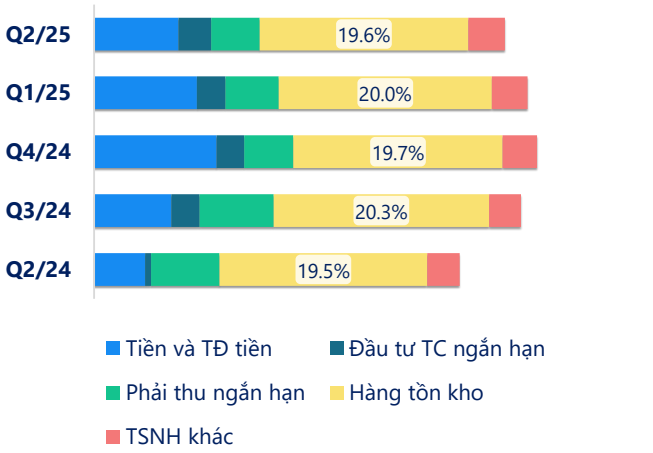

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

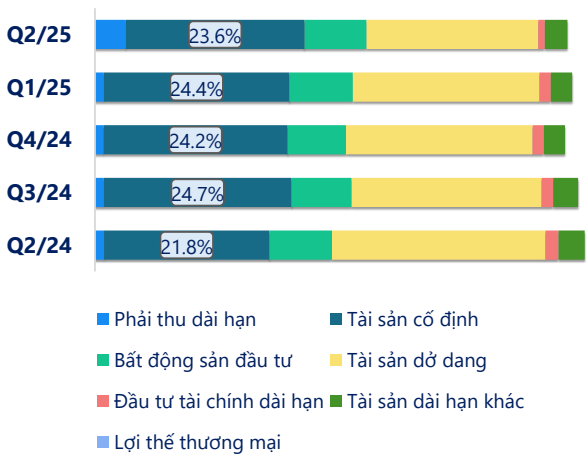

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

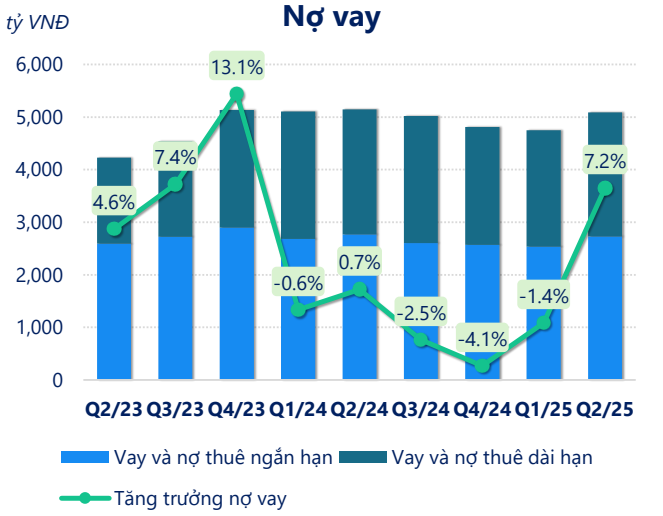

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

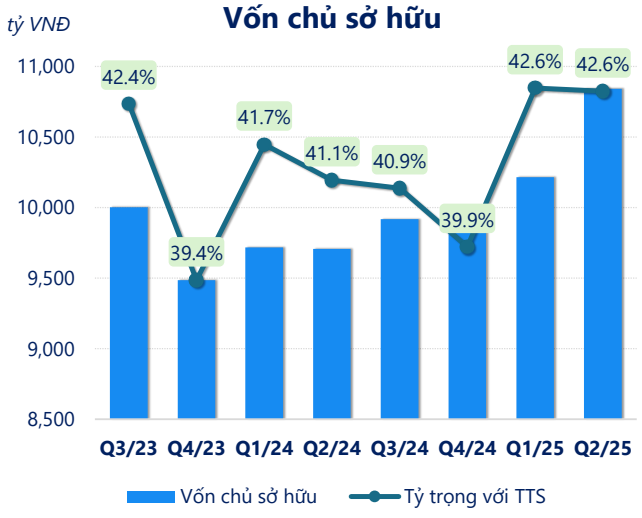

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

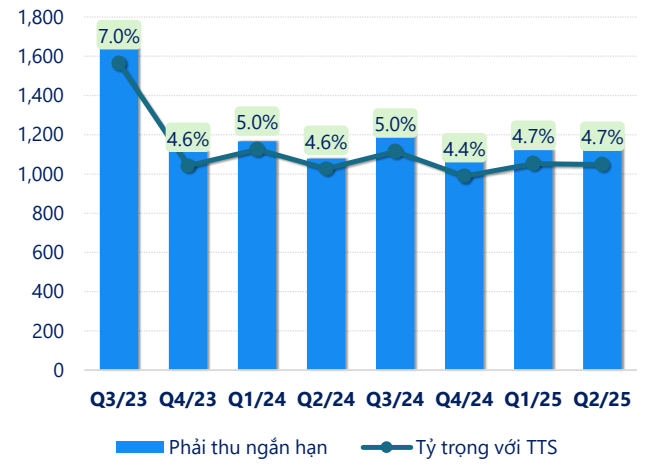

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

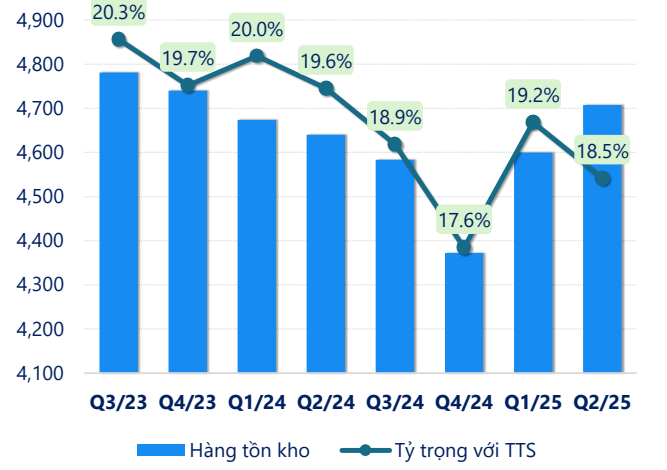

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

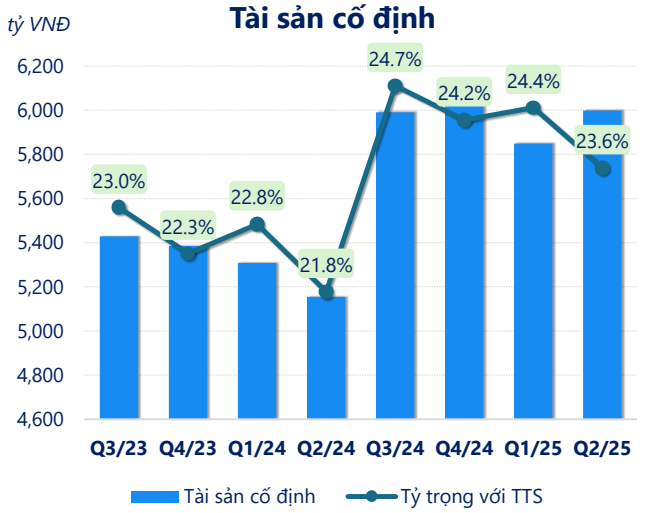

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

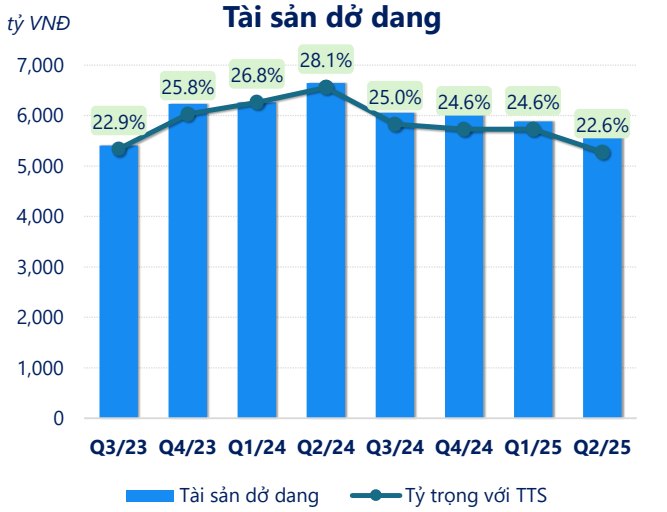

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

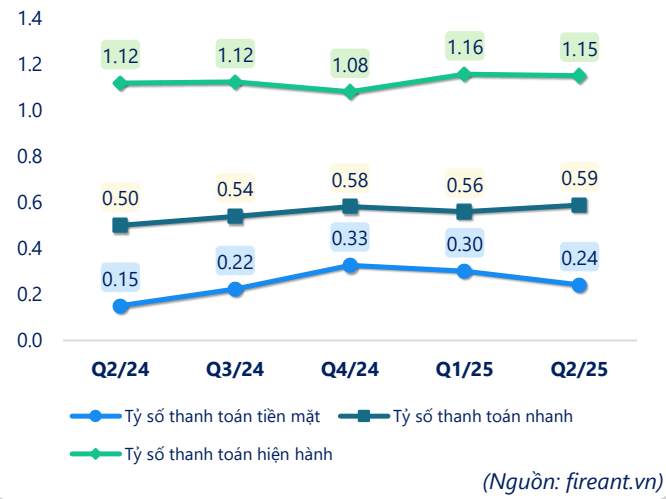

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

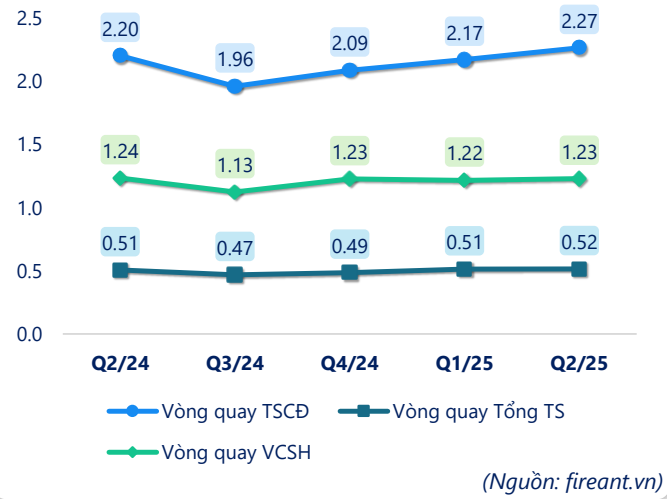

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**23,637**	**24,231**	**24,842**	**23,963**	**25,463**
Tài sản ngắn hạn	**8,397**	**8,823**	**9,472**	**8,912**	**9,628**
Tiền và tương đương tiền	1,136	1,759	2,861	2,318	2,018
Đầu tư tài chính ngắn hạn	727	441	433	132	937
Phải thu ngắn hạn	1,079	1,201	1,092	1,122	1,186
Hàng tồn kho	4,640	4,584	4,372	4,600	4,707
Tài sản ngắn hạn khác	814	838	714	741	780
Tài sản dài hạn	**15,241**	**15,408**	**15,370**	**15,050**	**15,835**
Phải thu dài hạn	279	280	279	282	1,029
Tài sản cố định	5,155	5,990	6,021	5,850	5,998
Bất động sản đầu tư	1,939	1,918	1,914	2,006	2,074
Tài sản dở dang	6,643	6,057	6,101	5,886	5,761
Đầu tư tài chính dài hạn	407	365	365	359	217
Tài sản dài hạn khác	818	798	690	668	757
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**13,894**	**14,278**	**14,887**	**13,713**	**14,589**
Nợ ngắn hạn	**7,500**	**7,850**	**8,758**	**7,699**	**8,360**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,768	2,602	2,572	2,538	2,730
Phải trả người bán ngắn hạn	1,694	1,725	1,751	1,599	1,834
Nợ dài hạn	6,394	6,428	6,129	6,014	6,229
Vay và nợ thuê dài hạn	2,377	2,416	2,240	2,208	2,357
Nguồn vốn chủ sở hữu	**9,744**	**9,954**	**9,955**	**10,250**	**10,875**
Vốn chủ sở hữu	**9,707**	**9,918**	**9,920**	**10,216**	**10,841**
Vốn điều lệ	4,484	4,484	4,484	4,484	4,484
Kinh phí và quỹ khác	36.3	35.5	34.8	34.0	33.3

(Nguồn: fireant.vn)